

**ĐẠI HỌC HUẾ  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT**



**ĐƯỜNG VĂN CẢNH**

**PHÁP LUẬT VỀ BIỆN PHÁP BẢO LÃNH TRONG THỰC HIỆN  
HỢP ĐỒNG VAY, QUẢ THỰC TIỄN CỦA NGÂN HÀNG  
THƯƠNG MẠI Ở VIỆT NAM**

**Chuyên ngành: Luật Kinh tế**

**Mã số: 838 01 07**

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

**THỪA THIÊN HUẾ, năm 2022**

Công trình được hoàn thành tại:  
Trường Đại học Luật, Đại học Huế

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TS NGÔ THỊ HƯỜNG**

Phản biện 1: .....

Phản biện 2: .....

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận  
văn thạc sĩ họp tại: Trường Đại học Luật

Vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng ..... năm.....

**Trường Đại học Luật, Đại học Huế**

## MỤC LỤC

<b>MỞ ĐẦU</b> .....	<b>1</b>
1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài.....	1
2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài.....	2
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu.....	2
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	3
5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu.....	3
6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận văn.....	4
7. Kết cấu của luận văn.....	4
<b>Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CỦA PHÁP LUẬT VỀ BIỆN PHÁP BẢO LÃNH TRONG BẢO ĐẢM THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG VAY</b> .....	<b>5</b>
<b>1.1. Khái quát về biện pháp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho vay</b> .....	<b>5</b>
1.1.1. Khái niệm hợp đồng vay và biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho vay .....	5
1.1.2. Khái niệm và đặc điểm của bảo lãnh thực hiện hợp đồng vay ...	6
<b>1.2. Khái quát pháp luật về biện pháp bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện hợp đồng vay</b> .....	<b>8</b>
1.2.1. Khái niệm pháp luật về biện pháp bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện hợp đồng vay.....	8
1.2.2. Đặc điểm của pháp luật về biện pháp bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện hợp đồng vay .....	8
1.2.3. Nội dung pháp luật về biện pháp bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện hợp đồng vay.....	9
<b>1.3. Yếu tố tác động đến thực thi pháp luật về biện pháp bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện hợp đồng vay</b> .....	<b>11</b>
1.3.1. Chủ trương của nhà nước trong việc phát triển hoạt động bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện hợp đồng vay .....	11
1.3.2. Thực tiễn hoạt động bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện hợp đồng vay.....	11
1.3.3. Sự tương tác giữa các bộ phận pháp luật trong hệ thống pháp luật quốc gia .....	12

1.3.4. Khả năng áp dụng pháp luật của các chủ thể trong xã hội .....	12
<b>Tiểu kết Chương 1 .....</b>	<b>12</b>
<b>Chương 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ BIỆN PHÁP BẢO LÃNH TRONG BẢO ĐẢM THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG VAY VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT TẠI CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI.....</b>	<b>13</b>
<b>2.1. Thực trạng các quy định của pháp luật Việt Nam về biện pháp bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện hợp đồng vay.....</b>	<b>13</b>
2.1.1. Quy định pháp luật hiện hành về biện pháp bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện hợp đồng vay.....	13
2.1.2. Đánh giá thực trạng pháp luật về biện pháp bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện hợp đồng vay.....	15
<b>2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật về biện pháp bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện hợp đồng vay tại các ngân hàng thương mại</b>	<b>16</b>
2.2.1. Thực tiễn thực hiện biện pháp bảo lãnh đối vật trong bảo đảm thực hiện hợp đồng vay .....	16
2.2.2. Thực tiễn thực hiện biện pháp bảo lãnh đối nhân trong bảo đảm thực hiện hợp đồng vay .....	17
<b>Tiểu kết Chương 2.....</b>	<b>18</b>
<b>Chương 3. ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ BIỆN PHÁP BẢO LÃNH TRONG BẢO ĐẢM THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG VAY .....</b>	<b>19</b>
<b>3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật về biện pháp bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện hợp đồng vay ở Việt Nam .....</b>	<b>19</b>
3.1.1. Hoàn thiện pháp luật về biện pháp bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện hợp đồng vay phải bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất và phù hợp với thông lệ quốc tế .....	19
3.1.2. Hoàn thiện pháp luật về biện pháp bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện hợp đồng vay phải đảm bảo dựa trên nền tảng của lý thuyết trái quyền .....	20
<b>3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về biện pháp bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện hợp đồng vay ở Việt Nam.....</b>	<b>20</b>

<b>3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về biện pháp bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện hợp đồng vay tại các ngân hàng thương mại .....</b>	<b>21</b>
<b>Tiểu kết Chương 3 .....</b>	<b>22</b>
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>23</b>
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO .....</b>	<b>1</b>



## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Trong hoạt động cấp tín dụng, vay vẫn là giao dịch phổ biến, đáp ứng nguồn vốn chủ yếu cho nền kinh tế. Hợp đồng vay có những đặc trưng riêng, mà một trong số đó là thường có biện pháp bảo đảm đi kèm nhằm đảm bảo quyền lợi của bên cho vay, đề phòng các trường hợp rủi ro có thể xảy ra. Trong số các biện pháp bảo đảm tín dụng, biện pháp bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện hợp đồng vay là biện pháp đối nhân, phụ thuộc vào uy tín của bên bảo lãnh. Bảo lãnh cũng có thể được sử dụng trong hoạt động nghiệp vụ của ngân hàng và các TCTD với tư cách là một hoạt động cấp tín dụng. Quá trình xây dựng và phát triển hệ thống pháp luật về vấn đề này đã có những thay đổi nhất định về tư duy lập pháp cũng như cách hiểu về bản chất của biện pháp bảo lãnh. Điều này chi phối thực tiễn áp dụng pháp luật về bảo lãnh để bảo đảm thực hiện hợp đồng vay và đã phát sinh những bất cập nhất định.

Theo quy định của BLDS năm 2005 cũng như BLDS năm 2015 và hệ thống các quy định pháp luật về đăng ký giao dịch bảo đảm hiện hành, thì bảo lãnh là biện pháp bảo đảm đối nhân nên không thuộc diện đăng ký giao dịch bảo đảm. Tuy nhiên, khi xử lý hậu quả pháp lý của quan hệ bảo lãnh, pháp luật vẫn quy định bên bảo lãnh phải đưa tài sản thuộc sở hữu của mình để thanh toán cho bên nhận bảo lãnh. Quy định này đã gây ra nhiều vướng mắc trong việc xác định thứ tự ưu tiên thanh toán khi xử lý tài sản bảo đảm giữa giao dịch bảo đảm bằng tài sản (ví dụ như cầm cố, thế chấp) với bảo lãnh. Bên cạnh đó, nhiều vấn đề thuộc nội hàm pháp luật về bảo lãnh cũng như thực tiễn áp dụng pháp luật về bảo lãnh hiện nay cũng có nhiều vấn đề cần luận giải một cách sâu sắc. Các quy định về biện pháp bảo lãnh hiện hành vẫn đang đưa đến rất nhiều hệ lụy trong việc thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan đến nghĩa vụ bảo lãnh và tài sản bảo đảm

Từ các lý do trên, tác giả đã mạnh dạn lựa chọn đề tài “*Pháp luật về biện pháp bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện hợp đồng vay, qua thực tiễn của ngân hàng thương mại ở Việt Nam*” để nghiên cứu và làm Luận văn Thạc sĩ luật học.

## **2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài**

- Nguyễn Thị Thủy, *Bàn về việc áp dụng các biện pháp thế chấp, cầm cố tài sản của bên thứ ba và biện pháp bảo lãnh trong hoạt động cho vay của các tổ chức tín dụng*, Tạp chí Khoa học pháp lý, Số 8(102) năm 2016.

- Hoàng Việt Trung (2020), *Bất cập về bảo lãnh ngân hàng trong bán, cho thuê mua nhà ở hình thành trong tương lai và giải pháp hoàn thiện*, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật.

- Đặng Thùy Linh (2017), *Hoàn thiện pháp luật bảo lãnh ngân hàng ở Việt Nam từ thực tiễn áp dụng pháp luật tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn*, Luận văn thạc sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội. Luận văn đã nghiên cứu những vấn đề lý luận và pháp luật về bảo lãnh ngân hàng.

- Đặng Thị Ngọc Ánh (2017), *“Nghiên cứu tình trạng pháp lý của ngân hàng bảo lãnh trong giao dịch bảo lãnh ngân hàng theo pháp luật Việt Nam”*, Luận văn thạc sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.

- Phạm Thị Hương Lan (2018), *“Hỗ trợ tư vấn và bảo lãnh vốn vay của nhà nước cho doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam hiện nay”*, Tạp chí Luật sư Việt Nam.

Luận văn kế thừa một số nội dung sau:

Về lý luận và pháp luật: Luận văn kế thừa và phát triển một số khái niệm, đặc điểm về biện pháp bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện hợp đồng vay, một số những vướng mắc của pháp luật hiện hành.

Về thực tiễn thực hiện pháp luật: Luận văn kế thừa một số phân tích, vụ việc trong thực tiễn biện pháp bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện hợp đồng vay để bổ sung và luận giải thêm cho Chương 2 luận văn.

Luận văn tập trung nghiên cứu biện pháp bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện hợp đồng vay theo BLDS 2015 và các văn bản liên quan.

## **3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

### **3.1. Mục đích nghiên cứu**

Mục đích nghiên cứu của luận văn là luận giải cơ sở lý luận và thực tiễn để đề xuất các định hướng và giải pháp hoàn thiện pháp



luật cũng như nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về biện pháp bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện hợp đồng vay tại các NHTM.

### **3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu**

Nhằm đạt được mục đích nghiên cứu ở trên, luận văn xác định rõ các nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản sau đây:

- Nghiên cứu, làm rõ các vấn đề lý luận về biện pháp bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện hợp đồng vay và pháp luật về biện pháp bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện hợp đồng vay;
- Phân tích thực trạng pháp luật hiện hành về biện pháp bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện hợp đồng vay;
- Phân tích, đánh giá thực tiễn thực hiện pháp luật về biện pháp bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện hợp đồng vay tại các NHTM trong thời gian vừa qua; từ đó chỉ ra những ưu điểm và những hạn chế, bất cập cần khắc phục;

## **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

### **4.1. Đối tượng nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu của Luận văn này là: (i) Một số vấn đề lý luận pháp luật về biện pháp bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện hợp đồng vay; (ii) làm rõ hơn các nội dung nghiên cứu, đề cập khảo cứu kinh nghiệm pháp luật của một số nước trên thế giới về vấn đề này; (iii) pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật về biện pháp bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện hợp đồng vay tại các NHTM.

### **4.2. Phạm vi nghiên cứu**

Phạm vi về nội dung: Phạm vi nghiên cứu của Luận văn này chỉ tập trung nghiên cứu và làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn của pháp luật về biện pháp bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện hợp đồng vay tiền tại các tổ chức tín dụng là ngân hàng thương mại.

Phạm vi về địa bàn: Cả nước

Phạm vi về thời gian: Từ năm 2017 đến năm 2021

## **5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu**

### **5.1. Phương pháp luận nghiên cứu**

Để làm rõ các vấn đề nghiên cứu, Luận văn đã sử dụng các phương pháp mang tính truyền thống như phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử.

### **5.2. Phương pháp nghiên cứu**

Luận văn còn sử dụng chủ yếu các phương pháp nghiên cứu sau:

- Phương pháp phân tích và tổng hợp: Được sử dụng trong toàn bộ nội dung Luận văn, từ nghiên cứu lý luận, đánh giá thực trạng, rút ra những vấn đề thuộc về bản chất, các quan điểm liên quan đến vấn đề nghiên cứu, từ đó, đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật cũng như nâng cao hiệu quả thi hành về biện pháp bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện hợp đồng vay tại các NHTM.

- Phương pháp thống kê: Tiến hành thu thập, thống kê, phân loại số liệu về kết quả áp dụng biện pháp bảo lãnh trong thực hiện hợp đồng vay tại các NHTM và TCTD.

- Phương pháp so sánh: Được sử dụng nhằm so sánh bản chất pháp lý của biện pháp bảo lãnh bảo đảm thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng vay với các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ khác và so sánh biện pháp bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện hợp đồng vay với bảo lãnh ngân hàng.

- Phương pháp nghiên cứu điển hình: Sử dụng một số vụ việc điển hình để phân tích, đánh giá thực tiễn thực hiện pháp luật, từ đó rút ra những vướng mắc trong thực tiễn. Phương pháp này sử dụng chủ yếu ở Chương 2.

## **6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận văn**

Kết quả nghiên cứu của Luận văn sẽ góp phần làm sáng tỏ các vấn đề lý luận về biện pháp bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện hợp đồng cho vay và góp phần vào việc nghiên cứu và hoàn thiện chế định pháp luật này, đặc biệt là trong bối cảnh Việt Nam đang nỗ lực hướng tới mục tiêu bảo đảm ổn định chính sách tiền tệ linh hoạt, cơ cấu lại các TCTD gắn với xử lý nợ xấu; đồng thời đưa các quy định của BLDS mới về chế định bảo lãnh vào đời sống thực tiễn.

Kết quả nghiên cứu của Luận văn cũng sẽ là tài liệu tham khảo có giá trị trong nghiên cứu, giảng dạy và học tập về pháp luật dân sự nói chung và pháp luật về biện pháp bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện hợp đồng cho vay nói riêng.

## **7. Kết cấu của luận văn**

Ngoài các phần mở đầu và kết luận, kết cấu luận văn chia làm 3 chương với các nội dung sau:

Chương 1: Những vấn đề lý luận của pháp luật về biện pháp bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện hợp đồng vay

Chương 2: Thực trạng pháp luật về biện pháp bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện hợp đồng vay và thực tiễn áp dụng pháp luật tại các ngân hàng thương mại

Chương 3: Định hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về biện pháp bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện hợp đồng vay

## **Chương 1.**

# **NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CỦA PHÁP LUẬT VỀ BIỆN PHÁP BẢO LÃNH TRONG BẢO ĐẢM THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG VAY**

## **1.1. Khái quát về biện pháp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho vay**

### ***1.1.1. Khái niệm hợp đồng vay và biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho vay***

#### ***1.1.1.1. Khái niệm về hợp đồng vay***

Khái niệm về HĐV là tập hợp các quan điểm, phản ánh thuộc tính chung nhất, thể hiện bản chất của quan hệ này. Tiếp cận trong BLDS 2015, hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận của các bên, theo đó bên cho vay gửi tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định. Tiếp cận quan hệ vay dưới hình thức hợp đồng tín dụng, theo Luật các tổ chức tín dụng thì hợp đồng tín dụng ngân hàng là thỏa thuận bằng văn bản giữa tổ chức (bên cho vay) với tổ chức, cá nhân (bên vay) theo đó tổ chức tín dụng cam kết cho bên vay vay một khoản tiền với điều kiện hoàn trả gốc và lãi trong thời hạn nhất định.

*Do đó, trong luận văn tiếp cận hợp đồng vay (qua thực tiễn tại các ngân hàng thương mại) với hình thức hợp đồng tín dụng của các NHTM theo đó: là sự thỏa thuận của ngân hàng thương mại với bên vay tiền theo các quy định của BLDS, Luật các tổ chức tín dụng và luật khác có liên quan.*

### *1.1.1.2. Đặc trưng của hợp đồng vay*

*Thứ nhất*, Hợp đồng vay là một dạng của hợp đồng vay tài sản

Về nguyên tắc, quan hệ cho vay ngân hàng hình thành từ quan hệ vay mượn tài sản sơ khai ban đầu, có cơ chế giao dịch, đối tượng, phạm vi điều chỉnh riêng biệt

*Thứ hai*, Hợp đồng vay chứa đựng những đặc điểm pháp lý chuyên biệt

*Một là*, bên vay phải được sự tín nhiệm của bên cho vay

*Hai là*, đối tượng giao dịch của HĐV là vốn tiền tệ

*Ba là*, HĐV thông thường là hợp đồng do các TCTD chủ động soạn thảo

*Bốn là*, thời hạn thực hiện HĐV thường kéo dài, nhiều rủi ro, dễ phát sinh tranh chấp Khi ký kết HĐV, các bên đều hướng đến các mục đích (lợi ích) khác nhau, trong đó có các nhu cầu tìm kiếm lợi nhuận nên thời hạn hợp đồng thường kéo dài cùng với quá trình hoạt động sản xuất đầu tư, kinh doanh của bên vay.

Tóm lại, HĐV có những đặc điểm chung của quan hệ hợp đồng nhưng cũng thể hiện nhiều đặc thù, khác biệt so với các hợp đồng kinh doanh, thương mại xuất phát từ quyền định đoạt tài sản trong kinh doanh của TCTD có những giới hạn khắt khe hơn. Hơn thế nữa, hoạt động cho vay gắn liền với trọng trách cung ứng vốn cho nền kinh tế, tác động đến công tác quản lý vĩ mô của nhà nước, do đó trong quan hệ hợp đồng vay, quyền tự do hợp đồng, tự do kinh doanh không chỉ đơn thuần là vấn đề lợi nhuận, đó còn là lợi ích chung của các bên liên quan cần được dung hòa, bảo đảm.

### *1.1.1.3. Khái niệm về biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng vay*

*Như vậy*, các biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng vay là sự thỏa thuận của các bên chủ thể (bên vay và bên cho vay) trên cơ sở quy định của pháp luật và các bên thỏa thuận (pháp luật không có quy định) về các biện pháp phù hợp để đảm bảo thực hiện hợp đồng vay. Các biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng vay được quy định trong BLDS và luật khác có liên quan.

## **1.1.2. Khái niệm và đặc điểm của bảo lãnh thực hiện hợp đồng vay**

### *1.1.2.1. Khái niệm về bảo lãnh thực hiện hợp đồng vay*

Theo Từ điển Tiếng Việt, thì bảo lãnh được hiểu là việc bảo đảm và chịu trách nhiệm trước pháp luật về một người nào đó<sup>1</sup>. Khái niệm này mang tính chất bao quát chung cho bản chất của hoạt động bảo lãnh, không thể hiện được những nét đặc thù của bảo lãnh

---

<sup>1</sup> Hoàng Phê, Từ điển tiếng Việt, NXB. Đà Nẵng, 2006, tr.52

thực hiện nghĩa vụ trong dân luật. Theo Từ điển Luật học, thì bảo lãnh là việc người thứ ba cam kết với bên có quyền sẽ thực hiện nghĩa vụ thay cho bên có nghĩa vụ, nếu khi đến thời hạn mà bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ. Các bên có thể thỏa thuận về việc bên bảo lãnh chỉ phải thực hiện nghĩa vụ khi bên được bảo lãnh không có khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình. Bên bảo lãnh cũng có thể cam kết bảo lãnh một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ cho bên được bảo lãnh<sup>2</sup>.

*Từ các phân tích trên, có thể hiểu bảo lãnh thực hiện hợp đồng vay được hiểu là “việc người thứ ba (gọi là bên bảo lãnh) cam kết với bên cho vay (gọi là bên nhận bảo lãnh) sẽ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho bên vay (gọi là bên được bảo lãnh), nếu khi đến thời hạn trả nợ mà bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ. Các bên có thể thỏa thuận và cam kết về việc bên bảo lãnh chỉ phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi bên được bảo lãnh không có khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình. Bên bảo lãnh cũng có thể cam kết bảo lãnh một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ trả nợ vay cho bên được bảo lãnh”.*

#### *1.1.2.2. Đặc điểm về bảo lãnh thực hiện hợp đồng vay*

*Thứ nhất, bảo lãnh là biện pháp bảo đảm đôi nhân<sup>3</sup>*

Mặc dù được xác định là biện pháp đôi nhân, nhưng giữa biện pháp tín chấp và biện pháp bảo lãnh cũng có những điểm không giống nhau.

*Thứ hai, yêu cầu về chủ thể bảo lãnh*

Quan hệ bảo lãnh luôn có sự xuất hiện của bên thứ ba, điều đó có nghĩa là chủ thể tham gia quan hệ bảo lãnh luôn có ba bên, đó là bên bảo lãnh, bên nhận bảo lãnh và bên được bảo lãnh. Các chủ thể tham gia quan hệ HĐV cũng như quan hệ bảo lãnh HĐV phải thỏa mãn các yêu cầu của một chủ thể tham gia giao dịch dân sự.

*Thứ ba, về thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh*

Bên bảo lãnh chỉ thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh khi bên có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ hoặc chỉ

---

<sup>2</sup> Từ điển Luật học, Nxb. Tư pháp và Nxb. Từ điển Bách khoa, 2006, tr.43.

<sup>3</sup> Nguyễn Ngọc Điện, Bình luận khoa học về đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trong luật dân sự Việt Nam, Nxb. Trẻ, 2001, tr.107

khi bên được bảo lãnh không có khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình.

*Thứ tư*, tính phụ thuộc của nghĩa vụ bảo lãnh và nghĩa vụ được bảo lãnh

Nghĩa vụ bảo lãnh là một nghĩa vụ phụ, nó có thể được thể hiện là hợp đồng phụ bảo đảm cho hợp đồng chính và cũng có thể là các điều kiện để thực hiện hợp đồng chính. Nghĩa vụ bảo lãnh luôn tồn tại và phụ thuộc vào nghĩa vụ của bên được bảo lãnh. Chính vì vậy, các nghĩa vụ bảo lãnh không thể xuất hiện trước nghĩa vụ được bảo lãnh (nghĩa vụ chính)<sup>4</sup>. Từ đó có thể thấy rằng, giá trị của nghĩa vụ bảo lãnh lệ thuộc vào giá trị của nghĩa vụ được bảo lãnh và phạm vi nghĩa vụ bảo lãnh không thể rộng hơn phạm vi nghĩa vụ được bảo lãnh.

## **1.2. Khái quát pháp luật về biện pháp bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện hợp đồng vay**

### ***1.2.1. Khái niệm pháp luật về biện pháp bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện hợp đồng vay***

“Pháp luật về bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện hợp đồng vay là tổng thể các quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành quy định về biện pháp bảo lãnh, phạm vi, điều kiện của người bảo lãnh, trình tự, thủ tục áp dụng biện pháp bảo lãnh với mục đích bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ theo HĐV của bên vay (bên được bảo lãnh) trước các ngân hàng và tổ chức tín dụng (bên nhận bảo lãnh) trong trường hợp bên vay không thể trả nợ đúng theo thời hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng”.

### ***1.2.2. Đặc điểm của pháp luật về biện pháp bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện hợp đồng vay***

*Thứ nhất*, pháp luật về bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện hợp đồng vay được dựa trên nền tảng các quy định về biện pháp bảo lãnh của BLDS

*Thứ hai*, pháp luật về bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện hợp đồng vay điều chỉnh quan hệ phát sinh giữa bên bảo lãnh (là các tổ chức, cá nhân) và bên nhận bảo lãnh (là ngân hàng, các tổ chức tín

---

<sup>4</sup> Giáp Minh Tâm, Quy định chung về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tạp chí Kiểm sát, 2017, Số 12, tr. 37 - 44

dụng) nhằm đảm bảo nghĩa vụ trả nợ theo HĐV của người đi vay (bên được bảo lãnh)

*Thứ ba*, pháp luật về bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện hợp đồng vay đề cao nguyên tắc tự do ý chí, tự nguyện, tự thỏa thuận của các bên khi tham gia quan hệ bảo lãnh.

*Thứ tư*, pháp luật về bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện hợp đồng vay cho phép các bên thỏa thuận bảo đảm nghĩa vụ bảo lãnh bằng tài sản

*Thứ năm*, pháp luật về bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện hợp đồng vay dự liệu trường hợp bên bảo lãnh là doanh nghiệp bị phá sản, là cá nhân chết

### ***1.2.3. Nội dung pháp luật về biện pháp bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện hợp đồng vay***

#### ***1.2.3.1. Quy định về phạm vi bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện hợp đồng vay***

Về phạm vi bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện hợp đồng vay, bên bảo lãnh (các tổ chức, cá nhân có thể cam kết bảo lãnh một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ trả nợ cho bên được bảo lãnh (bên vay), có thể bảo lãnh đối với tất cả các khoản nợ của bên vay hoặc chỉ bảo lãnh đối với một hoặc một số khoản nợ cụ thể, có thể bảo lãnh có giới hạn hoặc không giới hạn mức trần mà người bảo lãnh phải trả trong trường hợp người được bảo lãnh không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, có thể bảo lãnh liên đới. Thông thường, nếu các bên không có thỏa thuận khác, nghĩa vụ bảo lãnh bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc, tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại, lãi trên số tiền chậm trả.

#### ***1.2.3.2. Quy định về điều kiện của người bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện hợp đồng vay***

Để thỏa mãn yêu cầu là người bảo lãnh trong quan hệ bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện hợp đồng vay, người bảo lãnh phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và có đủ các điều kiện để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh. Nếu người bảo lãnh không có khả năng đáp ứng yêu cầu, thì người cho vay có quyền yêu cầu phải có một người khác đủ điều kiện để thay thế người bảo lãnh.

Theo pháp luật của nhiều quốc gia, các điều kiện của người bảo lãnh có thể bao gồm: (i) Có uy tín hoặc (ii) có tài sản thuộc sở hữu của mình bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh hoặc (iii)

vừa có uy tín, vừa chứng minh được năng lực tài chính để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ thay cho bên được bảo lãnh khi đến hạn mà bên được bảo lãnh không thực hiện được nghĩa vụ.

*1.2.3.3. Quy định về nghĩa vụ bảo lãnh và bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh*

*Thứ nhất,* Về nghĩa vụ bảo lãnh, thông thường, nếu các bên không có thỏa thuận khác, Bên bảo lãnh phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho bên được bảo lãnh, nếu khi đến thời hạn thực hiện việc trả nợ mà bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ.

*Thứ hai,* Đối với việc bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, do lợi ích của bên nhận bảo lãnh chỉ được bảo đảm thông qua việc bên bảo lãnh thực hiện yêu cầu, nên không loại trừ những rủi ro khi bên bảo lãnh không thực hiện yêu cầu hoặc không còn khả năng thực hiện yêu cầu của bên nhận bảo lãnh. .

*Thứ ba,* Về thời hạn thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, tính chất bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của biện pháp bảo lãnh xuất phát từ quyền yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thay của bên nhận bảo lãnh và được thỏa mãn thông qua việc bên bảo lãnh thực hiện yêu cầu đó.

*1.2.3.4. Quy định về hình thức và hiệu lực của hợp đồng bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện hợp đồng vay*

Về nguyên tắc, hình thức bảo lãnh bắt buộc phải được lập thành văn bản, có thể lập thành văn bản riêng (hợp đồng bảo lãnh) hoặc ghi trong hợp đồng vay. Hợp đồng bảo lãnh là sự thỏa thuận giữa bên bảo lãnh và bên nhận bảo lãnh về việc xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt quyền và nghĩa vụ bảo lãnh liên quan đến người được bảo lãnh.

Về hiệu lực của hợp đồng bảo lãnh, pháp luật của các quốc gia đều khẳng định hợp đồng bảo lãnh có hiệu lực từ thời điểm giao kết hợp pháp và hợp đồng bảo lãnh không thuộc đối tượng đăng ký giao dịch bảo đảm như cầm cố, thế chấp.

*1.2.3.5. Quy định về trách nhiệm của người bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện hợp đồng vay*

Về nguyên tắc, người bảo lãnh một nghĩa vụ phải thực hiện nghĩa vụ đó đối với người có quyền (người nhận bảo lãnh) nếu chính người có nghĩa vụ (người được bảo lãnh) không thi hành.



Trường hợp bên bảo lãnh không thực hiện đúng nghĩa vụ bảo lãnh thì bên nhận bảo lãnh có quyền yêu cầu bên bảo lãnh thanh toán giá trị nghĩa vụ vi phạm và bồi thường thiệt hại.

Về việc xử lý tài sản của bên bảo lãnh: Quyền yêu cầu bên bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh có thể có bảo đảm bằng tài sản (nếu các bên có thỏa thuận) hoặc không có bảo đảm bằng tài sản (nếu các bên không có thỏa thuận).

#### *1.2.3.6. Quy định về chấm dứt bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện hợp đồng vay*

Việc bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện hợp đồng vay được chấm dứt trong những trường hợp sau đây:

- (i) Nghĩa vụ được bảo đảm bằng bảo lãnh chấm dứt. .
- (ii) Việc bảo lãnh được hủy bỏ hoặc thay thế bằng biện pháp bảo đảm khác. .
- (iii) Bên bảo lãnh đã thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh.
- (iv) Việc bảo lãnh chấm dứt theo thỏa thuận của các bên.

### **1.3. Yếu tố tác động đến thực thi pháp luật về biện pháp bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện hợp đồng vay**

#### *1.3.1. Chủ trương của nhà nước trong việc phát triển hoạt động bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện hợp đồng vay*

Pháp luật là công cụ thể hiện ý chí của nhà nước, do đó, trong bất kỳ nhà nước nào, những chủ trương định hướng của nhà nước đều được thể hiện trong các quy định pháp luật được ban hành và thực hiện. Nếu những chủ trương định hướng của nhà nước phù hợp với quy luật phát triển, phù hợp với thực tiễn thì chắc chắn sẽ thúc đẩy hoạt động bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện HĐV phát triển, còn ngược lại sẽ kìm hãm sự phát triển của hoạt động này.

#### *1.3.2. Thực tiễn hoạt động bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện hợp đồng vay*

Pháp luật được ban hành là nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội, do đó việc hoàn thiện pháp luật không thể tách rời thực trạng xã hội. Thực tế cho thấy, cùng với sự phát triển kinh tế và hội nhập của các quốc gia trên thế giới, hoạt động bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện HĐV ngày càng đa dạng với sự ra đời nhiều loại hình bảo lãnh mới đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của xã hội. Mặt khác, trong quá trình phát triển, thực tiễn hoạt động bảo lãnh trong bảo đảm

thực hiện HĐV cũng đặt ra nhiều vấn đề cần giải quyết mà nếu chỉ dựa vào pháp luật thực định thì không thể giải quyết được. Chính thực tiễn hoạt động bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện HĐV đang diễn ra đã tác động đến pháp luật, làm pháp luật quốc gia không ngừng hoàn thiện để giải quyết các đòi hỏi của thực tiễn.

### ***1.3.3. Sự tương tác giữa các bộ phận pháp luật trong hệ thống pháp luật quốc gia***

Sự tương tác giữa các bộ phận pháp luật trong hệ thống pháp luật quốc gia có ảnh hưởng lớn đến hiệu lực điều chỉnh pháp luật về hoạt động bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện HĐV. Thực tế cho thấy, sự tương tác giữa các bộ phận pháp luật là không tránh khỏi vì bản thân các quan hệ xã hội được pháp luật điều chỉnh có sự đan xen, tương tác lẫn nhau và bản thân một văn bản pháp luật không thể điều chỉnh hết một lĩnh vực cụ thể.

### ***1.3.4. Khả năng áp dụng pháp luật của các chủ thể trong xã hội***

Khả năng áp dụng pháp luật của các chủ thể trong một lĩnh vực pháp luật có ảnh hưởng lớn đến hiệu quả pháp luật trên thực tế. Ngược lại, để pháp luật phù hợp với thực tiễn thì các cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi ban hành pháp luật phải đánh giá được khả năng áp dụng pháp luật của chủ thể liên quan.

Khả năng áp dụng pháp luật phụ thuộc vào hai nguyên nhân cơ bản là nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật của chủ thể. Nếu các chủ thể nhận thức đúng mà cụ thể là hiểu biết và vận dụng pháp luật thì sẽ đảm bảo hiệu quả pháp luật.

Ngược lại, nếu các chủ thể cố ý áp dụng sai hoặc không thực hiện đúng quy định của pháp luật sẽ ảnh hưởng xấu đến hiệu quả pháp luật trong thực tế.

## **Tiểu kết Chương 1**

Chương 1 luận văn đã tiếp cận những vấn đề lý luận của pháp luật về biện pháp bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện hợp đồng vay. Luận văn phân tích các khái niệm về biện pháp bảo lãnh thực hiện hợp đồng vay cũng những khái niệm, đặc điểm, nội dung pháp luật về các biện pháp bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện hợp đồng vay.

Trên cơ sở đó, luận văn đã phân tích các yếu tố tác động đến thực thi pháp luật về biện pháp bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện hợp đồng vay làm tiền đề cho Chương 2 nghiên cứu về thực trạng pháp luật về biện pháp bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện hợp đồng vay và thực tiễn thực hiện pháp luật tại các ngân hàng thương mại.

## **Chương 2.**

### **THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ BIỆN PHÁP BẢO LÃNH TRONG BẢO ĐẢM THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG VAY VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT TẠI CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI**

**2.1. Thực trạng các quy định của pháp luật Việt Nam về biện pháp bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện hợp đồng vay**

**2.1.1. Quy định pháp luật hiện hành về biện pháp bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện hợp đồng vay**

**2.1.1.1. Quy định pháp luật về phạm vi bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện hợp đồng vay**

Theo quy định của pháp luật dân sự, phạm vi bảo đảm nghĩa vụ là do các bên thoả thuận hoặc pháp luật quy định, nếu không thoả thuận thì phạm vi bảo đảm là toàn bộ nghĩa vụ chính hiện tại và tương lai. Phạm vi bảo đảm nghĩa vụ không được vượt quá nghĩa vụ chính, bao gồm nợ gốc, tiền bồi thường thiệt hại, lãi suất, kể cả tiền phạt vi phạm, nếu có. Với các quy định của BLDS, trong việc bảo lãnh HDV, phạm vi bảo lãnh được hiểu là giới hạn của nghĩa vụ trả nợ theo HDV mà bên bảo lãnh cam kết sẽ thực hiện thay cho bên được bảo lãnh đối với bên nhận bảo lãnh.

**2.1.1.2. Quy định pháp luật về điều kiện của chủ thể bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện hợp đồng vay**

Theo pháp luật dân sự Việt Nam, năng lực chủ thể của cá nhân bao gồm năng lực hành vi dân sự và năng lực pháp luật dân sự. Trong đó, năng lực hành vi dân sự của cá nhân là khả năng của cá nhân bằng hành vi của mình xác lập, thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự.

Các điều kiện của người bảo lãnh cũng được pháp luật của nhiều quốc gia quy định rất chặt chẽ, bao gồm: (i) Có uy tín hoặc

(ii) có tài sản thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh hoặc (iii) vừa có uy tín, vừa chứng minh được năng lực tài chính để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho bên được bảo lãnh khi đến hạn mà bên được bảo lãnh không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ theo HĐV.

#### *2.1.1.3. Quy định pháp luật về hình thức bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện hợp đồng vay*

Trước khi BLDS năm 2015 được ban hành, pháp luật dân sự Việt Nam quy định hình thức bảo lãnh bắt buộc phải lập thành văn bản, trong trường hợp pháp luật có quy định, văn bản bảo lãnh phải được công chứng hoặc chứng thực.

Tuy nhiên, đến BLDS năm 2015, chế định về bảo lãnh không quy định về hình thức bảo lãnh.

#### *2.1.1.4. Quy định pháp luật về hiệu lực của hợp đồng bảo lãnh*

Theo quy định của Điều 405 BLDS năm 2005 và Điều 401 của BLDS năm 2015, hợp đồng được giao kết hợp pháp có hiệu lực từ thời điểm giao kết, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật liên quan có quy định khác. Từ thời điểm hợp đồng có hiệu lực, các bên phải thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với nhau theo cam kết. Hợp đồng chỉ có thể bị sửa đổi hoặc hủy bỏ theo thỏa thuận của các bên hoặc theo quy định của pháp luật.

#### *2.1.1.5. Quy định pháp luật về nghĩa vụ bảo lãnh và bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh*

*Thứ nhất,* Về nghĩa vụ bảo lãnh: Nếu các bên không có thỏa thuận khác, thì trong trường hợp bên vay (bên được bảo lãnh) không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ của mình trong thời hạn quy định theo thỏa thuận tại HĐV, thì ngân hàng, các tổ chức tín dụng (bên nhận bảo lãnh) có quyền yêu cầu bên bảo lãnh phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo cam kết được ghi nhận trong phạm vi nghĩa vụ bảo lãnh theo hợp đồng bảo lãnh.

*Thứ hai,* Về bảo đảm nghĩa vụ bảo lãnh. Theo khoản 3 Điều 336 BLDS năm 2015, các bên có thể thỏa thuận sử dụng biện pháp bảo đảm bằng tài sản để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh.

#### *2.1.1.6. Quy định pháp luật về trách nhiệm của bên bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện hợp đồng vay*

Đối với các trường hợp miễn nghĩa vụ bảo lãnh, Điều 368 BLDS năm 2005 quy định: “(i) Trong trường hợp bên nhận bảo lãnh miễn việc thực hiện nghĩa vụ cho bên bảo lãnh, thì bên được bảo lãnh vẫn phải thực hiện nghĩa vụ đối với bên nhận bảo lãnh, trừ trường hợp có thoả thuận hoặc pháp luật có quy định phải liên đới thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh. (ii) Trong trường hợp chỉ một người trong số nhiều người cùng nhận bảo lãnh liên đới được miễn việc thực hiện phần nghĩa vụ bảo lãnh của mình, thì những người khác vẫn phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh của họ”.

#### *2.1.1.7. Quy định pháp luật về chấm dứt bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện hợp đồng vay*

Về các trường hợp chấm dứt bảo lãnh, Điều 371 BLDS năm 2005 cũng như Điều 343 BLDS năm 2015 đều quy định, việc bảo lãnh được chấm dứt trong các trường hợp sau đây:

(i) Nghĩa vụ được bảo lãnh chấm dứt. Đây là trường hợp đương nhiên chấm dứt nghĩa vụ bảo lãnh, bởi lẽ, thời hạn tồn tại việc bảo lãnh là thời hạn tồn tại nghĩa vụ được bảo lãnh, nay nghĩa vụ đó đã chấm dứt thì việc bảo lãnh cũng được chấm dứt.

(ii) Việc bảo lãnh được hủy bỏ hoặc được thay thế bằng biện pháp bảo đảm khác.

(iii) Bên bảo lãnh đã thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh. Đây là trường hợp người bảo lãnh đã hoàn thành việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh

(iv) Theo thoả thuận của các bên. Có thể là các bên thoả thuận về việc miễn nghĩa vụ bảo lãnh; hoặc hủy bỏ; hoặc được thay thế bằng biện pháp bảo đảm khác.

#### *2.1.2. Đánh giá thực trạng pháp luật về biện pháp bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện hợp đồng vay*

##### *2.1.2.1. Một số ưu điểm*

Về cơ bản, BLDS năm 2015 vẫn giữ nguyên những quy định chính về chế định bảo lãnh như trong BLDS năm 2005. Tuy nhiên, để điều chỉnh được những quan hệ phát sinh và khắc phục những vướng mắc trên thực tế, BLDS năm 2015 đã bổ sung một số điểm mới

BLDS năm 2005 cũng như BLDS năm 2015 vừa được sửa đổi bước đầu đã tiếp cận biện pháp bảo lãnh dựa trên nguyên lý của biện pháp bảo đảm đối nhân.

#### *2.1.2.2. Một số hạn chế*

*Thứ nhất*, Chế định bảo lãnh của Việt Nam đặc biệt có lợi cho bên nhận bảo lãnh, nếu khi nghĩa vụ được bảo lãnh đến hạn mà bên được bảo lãnh (bên đi vay) không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ này, thì bên bảo lãnh sẽ thực hiện nghĩa vụ thay cho bên được bảo lãnh và các bên có thể thỏa thuận về việc bên bảo lãnh chỉ phải thực hiện nghĩa vụ được bảo lãnh khi bên được bảo lãnh không có khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình.

*Thứ hai*, Pháp luật không quy định việc bên bảo lãnh có quyền được viện dẫn tất cả những vi phạm về hình thức và nội dung mà bên được bảo lãnh có thể viện dẫn để không phải thực hiện nghĩa vụ đối với bên nhận bảo lãnh, trong khi đó là một trong các quy định mấu chốt, thể hiện tính phụ thuộc của biện pháp bảo lãnh đối với nghĩa vụ được bảo lãnh.

*Thứ ba*, Các quy định của pháp luật hiện hành quy định về nội hàm biện pháp bảo lãnh chưa thực sự rõ ràng, sẽ dẫn đến nhiều cách hiểu và áp dụng khác nhau giữa các cơ quan áp dụng và thực thi pháp luật.

*Thứ tư*, Về trách nhiệm dân sự của bên bảo lãnh theo Điều 342 BLDS năm 2015 được coi là quy định mới được đề cập: “Trường hợp bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thì bên bảo lãnh phải thực hiện nghĩa vụ đó.

### **2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật về biện pháp bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện hợp đồng vay tại các ngân hàng thương mại**

#### ***2.2.1. Thực tiễn thực hiện biện pháp bảo lãnh đối vật trong bảo đảm thực hiện hợp đồng vay***

Từ các quy định của pháp luật về bảo lãnh ở trên đưa đến nhận thức là, nếu một chủ thể vay tiền của ngân hàng mà không có tài sản để đảm bảo cho khoản tiền vay đó, thì có thể nhờ người thứ ba có tài sản thuộc sở hữu của họ đem cầm cố, thế chấp để bảo lãnh thực hiện thay nghĩa vụ cho chủ thể vay tiền.

Trong khoảng thời gian thực hiện chế định bảo lãnh bằng tài sản của bên thứ ba, theo khảo sát, ghi nhận từ các vụ kiện tại Tòa án nhân dân, thì các vụ kiện tranh chấp từ HĐV, trong đó, ngân hàng cho vay và nhận tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất của bên thứ

ba ngày càng nhiều. Ví dụ, vụ đòi nợ của Ngân hàng Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) đối với một cá nhân (quận Thanh Xuân, Hà Nội), trong đó cá nhân này vay 410 triệu đồng thông qua 2 HĐV, tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của một gia đình ở huyện Đan Phượng (Hà Nội) nhận bảo lãnh. Hay trường hợp Ngân hàng Đông Nam Á (Seabank) cho Công ty Hưng Phát vay 5,7 tỷ đồng, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của 3 hộ gia đình.

### **2.2.2. Thực tiễn thực hiện biện pháp bảo lãnh đối nhân trong bảo đảm thực hiện hợp đồng vay**

*Thứ nhất*, hợp đồng bảo lãnh bằng tài sản trong quan hệ HĐV là giao dịch hai bên hay ba bên?

Đây là vấn đề vẫn còn đang tranh luận trong khoa học pháp lý hiện nay.

*Thứ hai*, tình trạng liên đới giữa nghĩa vụ bảo lãnh với nghĩa vụ được bảo lãnh

Trên phương diện lý thuyết, nghĩa vụ của người được bảo lãnh đối với bên có quyền (hay còn gọi là nghĩa vụ được bảo lãnh) đóng vai trò là nghĩa vụ chính còn nghĩa vụ của người bảo lãnh (hay nghĩa vụ bảo lãnh) chỉ là nghĩa vụ phụ.

*Thứ ba*, tính độc lập tương đối của hợp đồng bảo lãnh và mối liên hệ tương hỗ với HĐV

Về nguyên tắc, hợp đồng bảo lãnh mặc dù là hợp đồng phụ và bổ sung cho nội dung của HĐV (với ý nghĩa như là hợp đồng chính) nhưng bản thân hợp đồng bảo lãnh cũng có tính độc lập tương đối trong mối quan hệ với HĐV đồng thời có tác động tương hỗ với HĐV.

*Thứ tư*, lẫn lộn giữa hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba với hợp đồng bảo lãnh trong việc bảo đảm thực hiện HĐV

### **2.2.3. Đánh giá thực tiễn thực hiện pháp luật về biện pháp bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện hợp đồng vay**

*Thứ nhất*, vướng mắc trong áp dụng quan hệ bảo lãnh

*Thứ hai*, về trường hợp nhiều người cùng bảo lãnh

*Thứ ba*, vướng mắc liên quan đến biện pháp bảo lãnh và các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh (hay còn gọi là việc thế chấp, cầm cố tài sản của bên thứ ba)

*Thứ tư*, các quy định của BLDS về biện pháp bảo lãnh đang và sẽ gây ra nhiều vướng mắc trong việc xác định thứ tự ưu tiên thanh toán khi xử lý tài sản bảo đảm giữa giao dịch bảo đảm bằng tài sản (ví dụ như cầm cố, thế chấp) với bảo lãnh.

## **Tiểu kết Chương 2**

Chương 2 Luận văn phân tích thực trạng pháp luật về biện pháp bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện hợp đồng vay. Luận văn đã phân tích những quy định hiện hành của pháp luật và đánh giá thực trạng pháp luật về biện pháp bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện hợp đồng vay.

Mặc dù BLDS năm 2015 vẫn giữ nguyên những quy định chính về quy định bảo lãnh như trong BLDS 2005, tuy nhiên đã bổ sung một số điểm mới. Luận văn đã chỉ ra được một số ưu điểm và hạn chế trong việc thực hiện pháp luật về biện pháp bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện hợp đồng vay.

Qua nghiên cứu luận văn cũng chỉ ra một số vướng mắc trong áp dụng biện pháp bảo lãnh để thấy được thực tiễn thực hiện pháp luật biện pháp bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện hợp đồng vay tại các ngân hàng thương mại. Kết quả nghiên cứu làm cơ sở định hướng, các giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về biện pháp bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện hợp đồng vay.



### **Chương 3.**

## **ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ BIỆN PHÁP BẢO LÃNH TRONG BẢO ĐẢM THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG VAY**

### **3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật về biện pháp bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện hợp đồng vay ở Việt Nam**

#### ***3.1.1. Hoàn thiện pháp luật về biện pháp bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện hợp đồng vay phải bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất và phù hợp với thông lệ quốc tế***

*Thứ nhất*, về tính toàn diện, pháp luật về biện pháp bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện hợp đồng vay phải đáp ứng được đầy đủ nhu cầu điều chỉnh pháp luật trên các lĩnh vực liên quan nảy sinh trong đời sống xã hội để các quan hệ xã hội mang tính điển hình phổ biến cần sự điều chỉnh của pháp luật thì đều có pháp luật điều chỉnh.

*Thứ hai*, về tính đồng bộ, với vai trò là một bộ phận riêng của pháp luật điều chỉnh pháp luật về bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện hợp đồng vay phải phù hợp với pháp luật ngân hàng, pháp luật về tín dụng ngân hàng và tuân thủ các yêu cầu của pháp luật về các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự.

*Thứ ba*, về tính thống nhất, pháp luật về biện pháp bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện hợp đồng vay phải đảm bảo sự thống nhất với Hiến pháp, BLDS, Luật Các TCTD, các văn bản pháp luật khác có liên quan. Đồng thời, pháp luật về bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện hợp đồng vay phải đảm bảo sự thống nhất giữa các quy định pháp luật điều chỉnh (không có sự trùng lặp, chồng chéo, mâu thuẫn).

*Thứ tư*, về tính phù hợp, việc hoàn thiện pháp luật về bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện hợp đồng vay phải đảm bảo phù hợp với thực tiễn xã hội, phù hợp với phong tục, tập quán và phản ánh đúng trình độ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

*Thứ năm*, về tính khả thi, pháp luật về biện pháp bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện hợp đồng vay phải có khả năng thực hiện trong điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội hiện tại.

### ***3.1.2. Hoàn thiện pháp luật về biện pháp bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện hợp đồng vay phải đảm bảo dựa trên nền tảng của lý thuyết trái quyền***

Trong khoa học pháp lý, trái quyền có đối tượng “làm một việc” là một quan hệ nghĩa vụ trong đó thụ trái cam kết thực hiện một công việc vì lợi ích của trái chủ. Trái quyền có đối tượng “không làm một việc” là loại quan hệ nghĩa vụ trong đó thụ trái cam kết giữ thái độ thụ động về một phương diện nào đó, vì lợi ích của trái chủ<sup>5</sup>. Trái quyền có đối tượng “chuyển giao một vật quyền” là một quan hệ nghĩa vụ trong đó thụ trái cam kết trao cho trái chủ một vật quyền vốn thuộc về mình (đặc biệt là quyền sở hữu đối với một tài sản). Về chế độ pháp lý, trái quyền không phải là quan hệ pháp lý giữa chủ thể và vật, mà là quan hệ pháp lý giữa các chủ thể. Các quy tắc chi phối quan hệ ấy đặc trưng bằng việc chỉ định hành vi ứng xử trong giao tiếp giữa hai bên. Để quan hệ trái quyền vận hành suôn sẻ, sự hợp tác tích cực của trái chủ và thụ trái là điều kiện cần thiết. Khuôn mẫu điển hình quan hệ trái quyền có thể được mô tả như sau: Người có trái quyền yêu cầu thực hiện nghĩa vụ; thụ trái thực hiện và người có trái quyền tiếp nhận việc thực hiện.

### **3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về biện pháp bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện hợp đồng vay ở Việt Nam**

*Thứ nhất*, tiếp tục quy định cụ thể các vấn đề liên quan đến bên bảo lãnh...

*Thứ hai*, quy định cụ thể trường hợp bên nhận bảo lãnh phải yêu cầu bên được bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ bằng tài sản của mình trước; nếu bên được bảo lãnh không có tài sản thì bên nhận bảo lãnh mới có quyền yêu cầu bên bảo lãnh phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh.

*Thứ ba*, quy định việc bên bảo lãnh có quyền viện dẫn tất cả những vi phạm về hình thức và nội dung mà bên được bảo lãnh có thể viện dẫn để không phải thực hiện nghĩa vụ đối với bên nhận bảo lãnh, vì đây là một yếu tố máu chốt, thể hiện tính phụ thuộc của biện pháp bảo lãnh đối với nghĩa vụ được bảo lãnh. BLDS chỉ đề cập đến tình huống pháp lý là người bảo lãnh được viện dẫn việc bù

---

<sup>5</sup> Nguyễn Ngọc Điện (2013), Xây dựng lại hệ thống pháp luật về bảo đảm nghĩa vụ trên cơ sở lý thuyết vật quyền và trái quyền, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, Số 5(301), tr.39-42

trừ nghĩa vụ, trong khi trên thực tế vẫn còn các trường hợp khác như: có sự nhầm lẫn hoặc nghĩa vụ thanh toán khoản nợ được bảo lãnh không có hiệu lực...

*Thứ tư*, quy định về điều kiện đối với bên bảo lãnh, vì khả năng bên bảo lãnh thực hiện đầy đủ, đúng cam kết bảo lãnh là vấn đề đặc biệt quan trọng khi áp dụng biện pháp bảo lãnh.

*Thứ năm*, một trong những điểm mới của BLDS năm 2015 so với BLDS năm 2005 là đã bổ sung quy định về việc có thỏa thuận sử dụng biện pháp bảo đảm bằng tài sản để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh (khoản 3 Điều 336 BLDS năm 2015).

*Thứ sáu*, thế quyền của bên nhận bảo lãnh

*Thứ bảy*, bổ sung biện pháp bảo lãnh đối với tài sản là quyền sử dụng đất

### **3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về biện pháp bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện hợp đồng vay tại các ngân hàng thương mại**

*Thứ nhất*, ban hành Quy chế về bảo đảm tiền vay, trong đó có các quy định về biện pháp bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện hợp đồng vay, tùy theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các ngân hàng, tổ chức tín dụng cụ thể

*Thứ hai*, khuyến khích các bên thoả thuận sử dụng biện pháp bảo đảm nghĩa vụ bảo lãnh bằng tài sản cụ thể (dùng biện pháp đối vật để bảo đảm cho biện pháp đối nhân).

*Thứ ba*, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong việc xây dựng và áp dụng pháp luật về hoạt động bảo lãnh ngân hàng

*Thứ tư*, tăng cường chất lượng công tác quản trị rủi ro nội bộ của tổ chức tín dụng thực hiện nghiệp vụ bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện HĐV.

### **Tiểu kết Chương 3**

Chương 3 luận văn đã phân tích định hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật về biện pháp bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện hợp đồng vay tại Việt Nam. Hoàn thiện pháp luật phải đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất, phù hợp với thông lệ quốc tế và dựa trên nền tảng lý thuyết trái quyền.

Luận văn cũng đã đưa ra một số giải pháp hoàn thiện pháp luật về biện pháp bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện hợp đồng vay như là quy định chi tiết cụ thể các vấn đề bảo lãnh, bổ sung các biện pháp bảo lãnh,... Bên cạnh đó, luận văn đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về biện pháp bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện hợp đồng vay tại các ngân hàng thương mại.

## KẾT LUẬN

Thông qua việc nghiên cứu đề tài “Pháp luật về biện pháp bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện hợp đồng vay, qua thực tiễn của ngân hàng thương mại ở Việt Nam” có thể rút ra những kết luận sau đây:

*Thứ nhất*, việc xây dựng nội dung lý luận về bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện HĐV và pháp luật bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện HĐV có ý nghĩa quan trọng trong việc đánh giá thực trạng pháp luật hiện hành ở Việt Nam. Dựa trên bản chất pháp lý của các quan hệ xã hội phát sinh trong bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện HĐV, luận văn đã đưa ra các khái niệm về “bảo lãnh “bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện HĐV”, “pháp luật về bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện HĐV”

*Thứ hai*, nội dung của pháp luật về bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện HĐV được xác định từ các quan hệ pháp luật phát sinh trong quá trình thực hiện bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện HĐV, bao gồm các quy định về: trình tự, thủ tục thực hiện bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện HĐV, chủ thể thực hiện bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện HĐV, và giải quyết tranh chấp phát sinh trong bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện HĐV. Tuy nhiên, việc phân chia cũng chỉ mang tính tương đối do có sự giao thoa của pháp luật, mặt khác lại được đánh giá trên các góc độ khác nhau. Bên cạnh đó, việc xác định rõ các nguyên tắc cơ bản của pháp luật về bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện HĐV cũng góp phần đánh giá chính xác hơn thực trạng pháp luật về lĩnh vực này.

*Thứ ba*, qua việc đánh giá thực trạng pháp luật về bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện HĐV có thể thấy mặc dù pháp luật về lĩnh vực này đã từng bước được hoàn thiện nhưng đến nay vẫn còn nhiều bất cập như: chưa xây dựng được hệ thống khái niệm phù hợp với bản chất pháp lý của giao dịch dẫn đến hiểu sai, áp dụng sai pháp luật; quy trình thực hiện bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện HĐV thiếu, nội dung pháp luật về hợp đồng bảo lãnh chưa rõ ràng.

*Thứ tư*, trước thực trạng pháp luật nêu trên, việc tiếp tục hoàn thiện pháp luật về bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện HĐV là một nhu cầu khách quan. Mục tiêu của việc hoàn thiện pháp luật về bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện HĐV là nhằm xây dựng một khung pháp luật đồng bộ, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn, đảm bảo an toàn,

hiệu quả, phù hợp với thông lệ quốc tế. Để đạt được mục tiêu này luận văn đã đề xuất những giải pháp về hoàn thiện quy định pháp luật, sửa đổi tên gọi và kết cấu văn bản pháp luật điều chỉnh bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện HĐV và giải pháp bảo đảm thực hiện pháp luật. Nền kinh tế Việt Nam đang vận động phát triển theo xu hướng hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng. Việc hoàn thiện pháp luật về bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện HĐV không chỉ đáp ứng yêu cầu trước mắt là thực hiện cam kết trong quá trình hội nhập và hạn chế các tranh chấp phát sinh trong lĩnh vực này, mà còn làm lành mạnh và phát triển bảo lãnh trong bảo đảm thực hiện HĐV, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội tại Việt Nam.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

### I. Tài liệu tham khảo văn bản

1. Bình luận Bộ luật Dân sự Nhật Bản, Nhà xuất bản Tư pháp, Hà Nội, năm 2002.
2. Bộ luật Dân sự Cộng hòa Pháp, (Tài liệu dịch của Nhà Pháp luật Việt – Pháp).
3. Bộ luật Dân sự Cộng hòa Pháp, (Tài liệu dịch của Nhà Pháp luật Việt – Pháp).
4. Bộ Tư pháp, “Bộ luật Dân sự Campuchia”, (Tài liệu của Ban soạn thảo, Tổ biên tập Dự án Bộ luật Dân sự sửa đổi).
5. Bộ Tư pháp, “Bộ luật Dân sự Vương quốc Thái Lan, (Tài liệu của Ban soạn thảo, Tổ biên tập Dự án Bộ luật Dân sự sửa đổi).
6. Bùi Đức Giang (2012), Chế định bảo lãnh của Việt Nam-nhìn từ góc độ luật so sánh, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, Số 16(224);
7. Đặng Thị Ngọc Ánh (2017), Nghiên cứu tình trạng pháp lý của ngân hàng bảo lãnh trong giao dịch bảo lãnh ngân hàng theo pháp luật Việt Nam, Luận văn thạc sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội;
8. Đặng Thùy Linh (2017), Hoàn thiện pháp luật bảo lãnh ngân hàng ở Việt Nam từ thực tiễn áp dụng pháp luật tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội, Luận văn thạc sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội;
9. Đinh Thị Thùy Nga (2010), Pháp luật về các biện pháp hạn chế rủi ro trong hoạt động cho vay của các ngân hàng thương mại ở Việt Nam, Luận văn thạc sĩ, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội;
10. Đỗ Văn Đại (2016), Bình luận khoa học những điểm mới của Bộ luật dân sự năm 2015, Nxb. Hồng Đức- Hội luật gia Việt Nam;
11. Đỗ Văn Đại (2017), Luật nghĩa vụ và bảo đảm thực hiện nghĩa vụ Việt Nam : Bản án và bình luận án, Nxb. Hồng Đức - Hội luật gia Việt Nam;
12. Đoàn Thị Phương Diệp, Dương Kim Thế Nguyên (2018), So sánh chế định bảo lãnh trong Bộ luật Dân sự năm 2015 và pháp luật dân sự Pháp, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, Số 7 (359);
13. Duy Kiên, Bảo lãnh (2019), Một biện pháp bảo đảm quan trọng và một số lưu ý, Tạp chí Tòa án nhân dân, Số 6/2019
14. Giáp Minh Tâm (2017), Quy định chung về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tạp chí Kiểm sát Số 12/2017;

15. Hồ Quang Huy (2017), Hoàn thiện các quy định pháp luật về biện pháp bảo lãnh, Tạp chí Dân chủ & pháp luật, Bộ tư pháp, 2017, Số chuyên đề tháng 5/2017;

16. Hoàng Phê (2006), Từ điển tiếng Việt, NXB. Đà Nẵng;

17. Huỳnh Thị Hồng Vân (2011), “Hoàn thiện hoạt động quản trị rủi ro tín dụng tại ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu”, Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh;

18. Lại Hiệp Phong (2020), Bảo lãnh thế chấp tài sản bảo đảm khoản vay tại các tổ chức tín dụng, Luận văn thạc sĩ Trường Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh

19. Lê Quang Dũng (2016), Hợp đồng cho vay tiền của các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật Việt Nam, Luận văn thạc sĩ luật học, Trường Đại học Luật, Đại học Huế;

20. Lê Văn Dũng (2021), Bản chất quan hệ bảo lãnh thanh toán tại các tổ chức tín dụng, Tạp chí công thương điện tử, truy cập 10/3/2022 [<http://tapchicongthuong.vn/bai-viet/ban-chat-quan-he-bao-lanh-thanh-toan-tai-cac-to-chuc-tin-dung-81130.htm>]

21. Lê Vũ Nam (2020), Pháp luật về bảo đảm nghĩa vụ, Nxb. ĐHQG-HCM;

22. Lương Khải Ân (2016), Hoàn thiện pháp luật về hợp đồng cho vay trong lĩnh vực ngân hàng, Tạp chí Luật học, Số 8 (195);

23. Lương Khải Ân (2021), Hợp đồng cho vay trong lĩnh vực tín dụng ngân hàng lý luận và thực tiễn áp dụng, Nxb. Chính trị Quốc gia;

24. Lương, Khải Ân (2017), Tư cách pháp lý của chủ thể hợp đồng, cho vay trong lĩnh vực ngân hàng, Tạp chí Khoa học pháp lý. Số 6(109)/2017;

25. Nguyễn Anh Thư, Quy định của pháp luật về phạm vi bảo lãnh trong kinh doanh, Tạp chí Tòa án nhân dân, Số 04;

26. Nguyễn Hải Ngân (2019), Cơ sở lý thuyết của bảo lãnh và liên hệ với quy định về bảo lãnh trong Bộ luật Dân sự năm 2015, Tạp chí Khoa học Kiểm sát, Số 02 (28);

27. Nguyễn Ngọc Điện (2001), Bình luận khoa học về đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trong luật dân sự Việt Nam, Nxb. Trẻ;

28. Nguyễn Ngọc Điện (2013), Xây dựng lại hệ thống pháp luật về bảo đảm nghĩa vụ trên cơ sở lý thuyết vật quyền và trái quyền, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, , Số 5(301);



29. Nguyễn Ngọc Điện (2020), Góp ý xây dựng nghị định chi tiết về biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, Số 24(424),

30. Nguyễn Thành Nam (2015), "Hoàn thiện pháp luật về hoạt động bảo lãnh ngân hàng ở Việt Nam", Luận án tiến sĩ luật học, Đại học Quốc gia Hà Nội;

31. Nguyễn Thị Thảo (2006), Bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ trong hoạt động ngân hàng, Luận văn thạc sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội;

32. Nguyễn Thùy Trang (2012), Một số nội dung pháp lý liên quan đến biện pháp bảo lãnh đối với hợp đồng tín dụng hiện nay, Tạp chí Ngân hàng, Số 10;

33. Nguyễn Văn Cừ, Trần Thị Huệ (2017), Bình luận khoa học bộ luật dân sự năm 2015 của nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Nxb. Công an nhân dân;

34. Nguyễn Văn Vân (2000), Mấy suy nghĩ về bản chất pháp lý của hợp đồng tín dụng Ngân hàng, Khoa học pháp lý số 03/2000;

35. Phạm Văn Lợi (2016), Bàn về chế định bảo lãnh bằng quyền sử dụng đất của người thứ ba theo quy định của pháp luật, Tạp chí Nghề luật, Số 2;

36. Trần Thu Lan (2011), Hợp đồng cho vay tại Ngân hàng thương mại - một số vấn đề lý luận và thực tiễn, Luận văn thạc sĩ luật học Đại học Quốc gia Hà Nội;

37. Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh (2015), Giáo trình Luật Ngân hàng, Nxb. Hồng Đức;

38. Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh (2014) Biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự, Tài liệu Hội thảo quốc tế,

39. Trường Đại học Luật, Đại học Huế (2015), Pháp luật về giao dịch bảo đảm trong hoạt động cấp tín dụng ở Việt Nam, Nxb. Chính trị Quốc gia;

40. Từ điển Luật học (2006), Nxb. Tư pháp và Nxb. Từ điển Bách khoa;

41. Trương Duy Lượng (2016), Có được bảo lãnh bằng tài sản cụ thể và việc bảo lãnh quyền sử dụng đất?, Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp, 2016, Số 19 (323);

42. Võ Hoàng Quân (2018), "Bảo lãnh của ngân hàng thương mại đối với trách nhiệm của nhà thầu trong đấu thầu xây lắp theo pháp luật Việt Nam", Luận án tiến sĩ luật học, Học viện Khoa học xã hội;

## **II. Tài liệu truy cập điện tử**

43. Credit Contracts and Consumer Finance Act 2003, truy cập 10/3/2022 tại

[<https://www.legislation.govt.nz/act/public/2003/0052/latest/DLM211512.html>];

44. Dân mặc đồ trắng, đòi ngân hàng trả lại sổ đỏ, truy cập 10/3/2022: <http://news.zing.vn/dan-mac-do-trang-doi-ngan-hang-tra-lai-so-do-post315853.html>

45. Bùi Đức Giang (2021), Khuôn khổ pháp lý chung về bảo lãnh nhìn từ thực tiễn cấp tín dụng có bảo đảm, Tạp chí Ngân hàng điện tử, truy cập 10/3/2022 tại [<https://tapchinganhang.gov.vn/khuon-kho-phap-ly-chung-ve-bao-lanh-nhin-tu-thuc-tien-cap-tin-dung-co-bao-dam.htm>];

46. Đỗ Hồng Thái - “Tính lệ thuộc của nghĩa vụ bảo lãnh, một vấn đề ngân hàng cho vay cần quan tâm” truy cập 10/3/2022 tại <http://thongtinphapluatdansu.edu.vn/>;

47. Hoàng Duy - Rủi ro nhận thế chấp tài sản của bên thứ ba, truy cập 10/3/2022 tại : <http://tinnhanhchungkhoan.vn/phap-luat/rui-ro-nhan-the-chap-tai-san-cua-ben-thu-ba-16526.html>

48. Law of the People's Republic of China on Commercial Banks, truy cập 10/3/2022 tại [http://www.npc.gov.cn/englishnpc/Law/2007-12/12/content\\_1383716.htm](http://www.npc.gov.cn/englishnpc/Law/2007-12/12/content_1383716.htm);

49. Nguyễn Thùy Trang, “Biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong hoạt động tín dụng của các ngân hàng thương mại: Một số nhận định từ góc độ pháp lý đến thực tiễn” , truy cập 10/3/2022 tại [<http://thongtinphapluatdansu.edu.vn/>]